

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 45

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước - đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam - TNHH Một Thành Viên theo Quyết định số 1021/QĐ-BXD ngày 25 tháng 06 năm 2004 của Bộ Trưởng Bộ Xây Dựng. Hiện hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp: 3600687943 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 04 tháng 8 năm 2004, thay đổi lần thứ 16 vào ngày 07 tháng 10 năm 2015.

Tên giao dịch bằng Tiếng Anh: IDICO MATERIAL DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt là: IDICO - MCI.

Trụ sở chính của Công ty tại: Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Phan Văn Chung	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 16/6/2015)
	Ông Trần Thiện Thành	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 16/6/2015)
	Ông Phạm Văn Hiến	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 16/6/2015)
	Ông Nguyễn Xuân Thắng	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 16/6/2015)
	Ông Nguyễn Công Minh	Ủy viên
	Ông Vũ Đình Thắng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 16/6/2015)
	Ông Mai Quốc Chinh	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 16/6/2015)
	Ông Trần Anh Tùng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 16/6/2015)
	Ông Vũ Xuân Tùng	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 16/6/2015)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Phạm Văn Hiến	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 16/01/2015)
	Ông Nguyễn Xuân Thắng	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 16/01/2015)
	Ông Nguyễn Công Minh	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 16/3/2015)
	Ông Nguyễn Gia Tin	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/02/2015)
	Ông Vũ Xuân Tùng	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/01/2015)

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

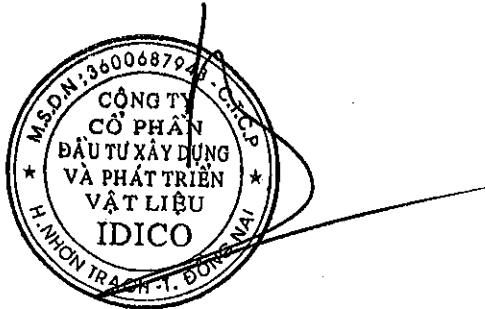
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, ✓



**Phạm Văn Hiến**

**Giám đốc**

*Đồng Nai, ngày 09 tháng 05 năm 2016*

Số: 441/2016/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính năm 2015

của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO, được lập ngày 09 tháng 5 năm 2016 từ trang 05 đến trang 45, bao gồm Bảng Cân đối Kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được các Biên bản xác nhận nợ phải thu khách hàng với số tiền 7.939.391.650 đồng, trả trước cho người bán với số tiền là 4.791.597.500 đồng, các khoản phải thu khác với số tiền là 2.938.426.619 đồng, phải trả người bán với số tiền 33.210.478.151 đồng, người mua trả tiền trước với số tiền 825.607.052 đồng và các khoản phải trả, phải nộp khác với số tiền 2.223.731.607 đồng. Với những tài liệu hiện có của Công ty, chúng tôi cũng không thể kiểm tra được sự đầy đủ các khoản phải trả người bán và tính hiện hữu của khoản mục phải thu của khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bằng các thủ tục kiểm toán khác. Theo đó, chúng tôi không thể đánh giá ảnh hưởng của vấn đề này (nếu có) đến Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, Công ty chưa kết chuyển đầy đủ chi phí trả trước dài hạn với số tiền là 2.332.461.706 đồng vào Kết quả hoạt động kinh doanh. Theo đó, Khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” tại ngày 31/12/2015 được trình bày cao hơn với số tiền 2.332.461.706 đồng.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, Công ty chưa thực hiện kết chuyển đầy đủ chi phí đối với khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số tiền là 2.152.608.914 đồng. Theo đó, khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” tại ngày 31/12/2015 đang được trình bày cao hơn với số tiền tương ứng 2.152.608.914 đồng.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, Công ty đã ghi nhận vào “Chi phí quản lý doanh nghiệp” với số tiền là 14.954.233.411 đồng theo Kết luận của Đoàn kiểm tra Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN Việt Nam - TNHH MTV. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán nay, chúng tôi chưa thu thập được cơ sở của việc hạch toán nêu trên. Do đó, chúng tôi không đưa ý kiến về số liệu này và ảnh hưởng của nó đến các khoản mục khác trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, Công ty đã thực hiện kết chuyển một số chi phí liên quan đến đến hoạt động sản xuất kinh doanh của những năm trước vào Chi tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 với số tiền 13.685.789.872 là chưa phù hợp với Chế độ Kế toán và Chuẩn mực Kế toán hiện hành. Theo quy định của Chế độ Kế toán hiện hành, các số liệu nêu cần được điều chỉnh hồi tố. Do đó, chúng tôi không đưa ý kiến về số liệu này và những ảnh hưởng của nó đến các khoản mục khác (nếu có) trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

Công ty đã căn cứ vào Biên bản thanh tra thuế ngày 01 tháng 02 năm 2016 về việc quyết toán thuế từ năm 2010 đến năm 2014 để thực hiện điều chỉnh hồi tố trực tiếp vào lợi nhuận chưa phân phối (mà không phải các đầu mục chi phí) của Công ty tại ngày 31/12/2014 đối với những khoản: Giảm khoản mục “Dự phòng nợ phải thu khó đòi” giá trị 2.112.736.074 đồng; tăng “Khoản mục tài sản thiếu chờ xử lý” với giá trị 2.690.811.762 đồng và giảm “Khoản mục Hao mòn lũy kế tài sản hữu hình” giá trị 95.509.914 đồng. Điều này đã làm cho khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31/12/2014 giảm lỗ với giá trị 4.899.057.750 đồng. Việc điều chỉnh hồi tố của Công ty như hiện tại có sự khác biệt so với Chế độ kế toán doanh nghiệp và Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành. Do đó, chúng tôi không đưa ý kiến về số liệu này và ảnh hưởng của nó đến các khoản mục khác trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty.

#### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề được nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*Vấn đề khác*

Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, đã nêu ý kiến ngoại trừ như sau:

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền 1.472.115.109 đồng.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, vấn đề nêu trên, Công ty đã thực hiện xử lý vì đã được hạch toán phù hợp nên không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015.



**Đình Văn Thắng**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy chứng nhận ĐKHN 1147-2015-075-1  
Thay mặt và đại diện  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**  
**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**  
*Hà Nội, ngày 09 tháng 05 năm 2016*

**Nguyễn Tiến Trình**  
**Kiểm toán viên**  
Số Giấy chứng nhận ĐKHN: 1806-2015-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>54.626.443.997</b>	<b>22.315.243.772</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>6.407.534.637</b>	<b>424.814.228</b>
1. Tiền	111		6.407.534.637	424.814.228
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>35.869.225.023</b>	<b>15.862.025.897</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	17.999.579.910	15.625.946.707
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		16.637.208.500	781.473.500
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	2.991.936.935	3.192.308.257
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.4	(4.450.312.084)	(6.428.514.329)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.5	2.690.811.762	2.690.811.762
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>11.335.763.156</b>	<b>3.610.689.400</b>
1. Hàng tồn kho	141		11.700.464.515	5.220.844.471
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(364.701.359)	(1.610.155.071)
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.013.921.181</b>	<b>2.417.714.247</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	562.450.885	2.329.731.706
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.12	448.093.859	58.300.879
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		3.376.437	29.681.662
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>29.157.399.339</b>	<b>26.931.099.036</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>18.202.852.035</b>	<b>19.763.645.780</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	17.983.680.015	19.447.801.504
- Nguyên giá	222		60.637.197.131	61.888.757.999
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.653.517.116)	(42.440.956.495)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	219.172.020	315.844.276
- Nguyên giá	228		442.147.508	442.147.508
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(222.975.488)	(126.303.232)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>6.993.148.436</b>	<b>7.167.453.256</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	6.993.148.436	7.167.453.256
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.961.398.868</b>	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	3.961.398.868	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>83.783.843.336</b>	<b>49.246.342.808</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

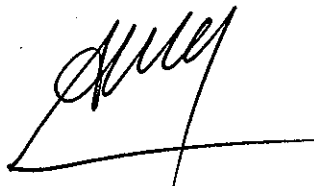
NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>83.746.857.713</b>	<b>54.587.846.450</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>79.380.519.123</b>	<b>53.055.846.450</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	47.611.498.197	22.865.239.510
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		825.607.052	1.260.802.450
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	225.755.471	425.225.650
4. Phải trả người lao động	314		132.436.080	384.592.590
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	3.396.685	84.746.769
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	2.223.731.607	1.972.691.172
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	28.358.094.031	26.062.548.309
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.366.338.590</b>	<b>1.532.000.000</b>
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.13	1.166.338.590	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	2.382.000.000	1.332.000.000
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.15	818.000.000	200.000.000
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>36.985.623</b>	<b>(5.341.503.642)</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.16</b>	<b>36.985.623</b>	<b>(5.341.503.642)</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.000.000.000	35.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.941.569.263	2.941.569.263
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(37.904.583.640)	(43.283.072.905)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		(43.283.072.905)	(24.206.830.843)
- LNST chưa phân phối kì này	421b		5.378.489.265	(19.076.242.062)
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>83.783.843.336</b>	<b>49.246.342.808</b>

Đồng Nai, ngày 09 tháng 05 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


Chu Thị Thanh Nga

Trần Anh Tùng

Phạm Văn Hiến

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	88.746.629.164	34.823.308.117
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		46.957.032	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	88.699.672.132	34.823.308.117
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	78.233.004.621	41.410.240.896
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		10.466.667.511	(6.586.932.779)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	10.251.316	3.689.165
7. Chi phí tài chính	22	5.20	2.158.187.807	2.090.342.136
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.156.631.580	2.090.342.136
8. Chi phí bán hàng	24	5.21	399.660.837	777.208.603
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.22	5.958.018.784	9.852.516.307
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		1.961.051.399	(19.303.310.660)
11. Thu nhập khác	31	5.23	3.443.743.091	1.233.529.360
12. Chi phí khác	32	5.23	-	1.006.460.762
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		3.443.743.091	227.068.598
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		5.404.794.490	(19.076.242.062)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	26.305.225	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		5.378.489.265	(19.076.242.062)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.25	1.537	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.25	-	(5.450)

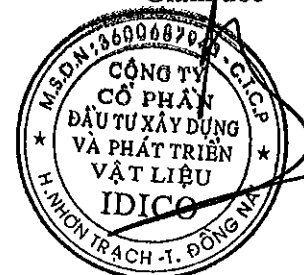
Đồng Nai, ngày 09 tháng 05 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Chu Thị Thanh Nga


Trần Anh Tùng

Phạm Văn Hiến

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

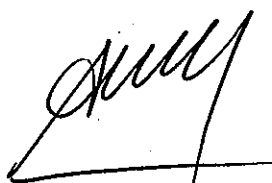
CHỈ TIÊU	MS	Năm 2015	Năm 2014
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.404.794.490	(19.076.242.062)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	2.429.116.998	3.442.540.419
- Các khoản dự phòng	03	(3.223.655.957)	9.599.413.674
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.394.882.437)	263.380.235
- Chi phí lãi vay	06	2.156.631.580	1.084.945.423
- Các khoản điều chỉnh khác	07	645.672.564	-
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	6.017.677.238	(4.685.962.311)
- Biến động các khoản phải thu	09	(18.392.484.636)	26.091.258.627
- Biến động hàng tồn kho	10	(6.479.620.044)	(4.397.679.356)
- Biến động các khoản phải trả	11	26.048.699.183	(25.531.313.692)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(2.194.118.047)	11.468.562.321
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.952.223.247)	(2.191.415.561)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(33.947.200)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>3.013.983.247</b>	<b>753.450.028</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.845.847.471)	(708.930.312)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.890.909.090	1.022.069.400
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	6.237.300.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.129.821	3.689.165
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>55.191.440</b>	<b>6.554.128.253</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền thu từ đi vay	33	82.382.056.825	32.440.222.996
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(79.468.511.103)	(40.598.579.827)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>2.913.545.722</b>	<b>(8.158.356.831)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>5.982.720.409</b>	<b>(850.778.550)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>424.814.228</b>	<b>1.275.592.778</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>6.407.534.637</b>	<b>424.814.228</b>

Người lập biểu



Chu Thị Thanh Nga

Kế toán trưởng



Trần Anh Tùng

Đồng Nai, ngày 09 tháng 05 năm 2016

Giám đốc



Phạm Văn Hiến

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước - đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam - TNHH Một Thành Viên theo Quyết định số 1021/QĐ-BXD ngày 25 tháng 06 năm 2004 của Bộ Trưởng Bộ Xây Dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp: 3600687943 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 04 tháng 08 năm 2004, thay đổi lần thứ 16 vào ngày 07 tháng 10 năm 2015.

Tên giao dịch bằng Tiếng Anh: IDICO MATERIAL DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt là: IDICO - MCI.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 là 35.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH MTV	2.868.000	28.680.000.000	81,94%
Các cổ đông khác	632.000	6.320.000.000	18,06%
<b>Tổng</b>	<b>3.500.000</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Trụ sở chính của Công ty tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 33 người (tại 31 tháng 12 năm 2014: 133 người).

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét: Sản xuất gạch, ngói, vật liệu trang trí nội, ngoại thất;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét: Khai thác đá, cát, sỏi, chế biến đá;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao: Sản xuất phụ gia cho sản xuất xi măng;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại: Gia công cơ khí;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê xe máy, thuê thiết bị;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy: Bảo dưỡng xe máy;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị khác trong xây dựng: Kinh doanh thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; kinh doanh bất động sản, đầu tư phát triển kinh doanh nhà, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, cho thuê văn phòng, kinh doanh nhà ở;
- Đại lý du lịch: Dịch vụ du lịch (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện qui định);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: Bán buôn xăng, dầu, nhớt;
- Bán lẻ nhiên liệu, động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động tư vấn quản lý: Tư vấn đầu tư xây dựng (trừ tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, tư vấn thiết kế, khảo sát, giám sát xây dựng);
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị và khu công nghiệp;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, cấp thoát nước, đường dây và trạm, biến áp điện;
- Chuẩn bị mặt bằng: Thi công san lấp và xử lý nền móng, Khai hoang xây dựng đồng ruộng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác: Sản xuất đồ gốm sứ;

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2015: kinh doanh xăng dầu, xây lắp và dịch vụ khác

**1.3. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2015, Công ty có Công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Hoạt động chính</u>
<b>Đơn vị trực thuộc</b>	
Xí nghiệp Sản xuất vật liệu	Sản xuất vật liệu
Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi Thủy Điện	Xây lắp dân dụng
Xí nghiệp Xây dựng số 1	Xây lắp dân dụng
Xí nghiệp Vật liệu xây dựng Tuy Hạ	Kinh doanh xăng dầu

**1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1/1/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính) (chi tiết xem thuyết minh 6.5), do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ bao gồm các chi phí vật tư trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung phát sinh lũy kế đến ngày kết thúc giai đoạn liên quan đến giá thành sản phẩm xây lắp và hàng hóa bất động sản. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ còn bao gồm giá thành của các nhà thầu phụ và của các xí nghiệp được khoán thi công đã thực hiện hoàn thành nhưng chưa được xác định tiêu thụ trong năm tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

**a. Nguyên tắc kế toán**

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b><u>Loại tài sản cố định</u></b>	<b><u>Năm khấu hao</u></b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05- 50
Máy móc và thiết bị	03- 20
Phương tiện vận tải	05- 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03- 05
Tài sản khác	03

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty như sau:

- + Quỹ đầu tư phát triển trích 25% lợi nhuận sau thuế năm 2014 và thuế TNDN miễn giảm.
- + Quỹ khen thưởng phúc lợi trích 18% lợi nhuận sau thuế năm 2014

**Ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả

(4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nhượng bán, ...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các loại thuế khác**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế phù hợp với quy định về pháp luật thuế hiện hành.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, các khoản đầu tư dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông, trừ đi phần trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và chia cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ (Tổng Công ty Đầu tư phát triển đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên) và các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh Kinh doanh gạch, xây lắp, Kinh doanh xăng dầu, và các dịch vụ khác gồm có kinh doanh vật tư, cừ tràm và vận chuyển chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.193.748.906	232.972.890
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.213.785.731	191.841.338
<b>Tổng</b>	<b>6.407.534.637</b>	<b>424.814.228</b>

**5.2 Phải thu khách hàng**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>17.999.579.910</b>	<b>15.625.946.707</b>
Tổng Công ty Đầu tư PT Đô thị và KCN Việt Nam- TNHH MTV	1.961.507.070	-
Công ty Cổ phần thủy điện Đak Đrinh	4.976.472.148	4.976.472.148
Phải thu các khách hàng còn lại	11.061.600.692	10.649.474.559
<b>b) Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Trong đó số dư các bên liên quan</b>	<b>639.498.349</b>	<b>2.045.794.388</b>
Xí nghiệp khai thác và kinh doanh VLXD IDICO - LI	60.000.000	60.000.000
Công ty CP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO	243.815.888	230.979.211
Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 10 IDICO	50.702.616	1.738.012.744
Công ty CP Đầu tư XD Lắp máy IDICO (Lama-IDICO)	47.364.545	2.679.192
Công ty IDICO-IEB	-	14.123.241
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Xây dựng IDICO tại Quảng Ngãi	237.615.300	-
<b>Tổng</b>	<b>17.999.579.910</b>	<b>15.625.946.707</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.3 Phải thu khác**

	31/12/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	2.991.936.935	-	3.192.308.257	-
Tạm ứng	1.171.187.579	-	1.368.307.533	-
Phải thu khác	1.820.749.356	-	1.824.000.724	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>2.991.936.935</b>	<b>-</b>	<b>3.192.308.257</b>	<b>-</b>

**Chi tiết Phải thu khác**

	31/12/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	1.820.749.356	-	1.824.000.724	-
Đỗ Hữu Cước	1.414.000.000	-	1.414.000.000	-
Chi nhánh Công ty CP Xi Măng Hà Tiên 1 - Nhà máy Xi măng Lê Bá Khiêm	89.000.000	-	89.000.000	-
Nguyễn Văn ảnh	52.781.659	-	54.361.051	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất TM VT Tiến Thành	70.449.952	-	70.449.952	-
Các đối tượng còn lại	13.544.000	-	13.544.000	-
<b>Tổng</b>	<b>180.973.745</b>	<b>-</b>	<b>182.645.721</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>1.820.749.356</b>	<b>-</b>	<b>1.824.000.724</b>	<b>-</b>

**5.4 Nợ xấu**

	31/12/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Xăng dầu Tiền giang	175.897.676	-	175.897.676	-
Công ty TNHH DV - TM & xây dựng xuân Đại Lợi	125.530.515	-	125.530.515	-
Công ty Cổ phần đầu tư XD Cát Tường	901.100.912	-	901.100.912	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng số 10 IDICO	77.795.088	-	1.738.012.744	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng COTEC	142.669.080	-	142.669.080	-
Công ty TNHH Giang An Huy	244.968.069	-	244.968.069	-
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí 2	390.347.741	-	390.347.741	-
Công ty CP xây dựng Dân dụng và công nghiệp Phía Nam	109.563.087	-	109.563.087	-
Công ty CP Đầu tư & xây lắp Dầu khí Sài Gòn	810.510.797	-	810.510.797	-
CN Miền Trung - Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1	-	-	-	-
Công ty Cổ phần COSEVCO 9	-	-	-	-
Xí nghiệp Sông Đà 10.2 - Công ty Cổ phần Sông Đà 10	984.005.487	492.002.744	984.005.487	492.002.744
Các đối tượng còn lại	1.419.627.946	439.701.570	1.737.612.535	439.701.570
<b>Tổng</b>	<b>5.382.016.398</b>	<b>931.704.314</b>	<b>7.360.218.643</b>	<b>931.704.314</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.4 Nợ xấu (Tiếp theo)**

Trong đó:

	<b>Quá hạn 1-30 ngày</b>	<b>Quá hạn 31-60 ngày</b>	<b>Quá hạn 61-90 ngày</b>	<b>Quá hạn trên 90 ngày</b>
Công ty Xăng dầu Tiền Giang				175.897.676
Công ty TNHH DV - TM & Xây dựng xuân Đại Lợi	-	-	-	125.530.515
Công ty CP Đầu tư XD Cát Tường	-	-	-	901.100.912
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng COTEC	-	-	-	142.669.080
Công ty TNHH Giang An Huy	-	-	-	244.968.069
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	-	-	-	390.347.741
Công ty CP Xây dựng Dân dụng và công nghiệp Phía Nam	-	-	-	109.563.087
Công ty CP Đầu tư & Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	-	-	-	810.510.797
Xí nghiệp Sông Đà 10.2 - Công ty cổ phần Sông Đà 10	-	-	-	984.005.487
Các đối tượng khác	-	-	-	1.471.929.119

**5.5 Tài sản thiếu chờ xử lý**

Đây là khoản công ty đã điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra thuế ngày 01 tháng 02 năm 2016 về việc chi phí nguyên vật liệu vượt mức tiêu hao từ năm 2010 đến năm 2014, giá trị đang chờ xử lý là 2.690.811.762 đồng.

**5.6 Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2015 (VND)</b>		<b>01/01/2015 (VND)</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
Nguyên liệu, vật liệu	2.960.000	-	1.526.349.553	-
Công cụ, dụng cụ	102.305.948	-	102.257.771	-
Chi phí SX KDDD	7.748.836.003	-	172.819.016	-
Thành phẩm	2.758.792.999	364.701.359	3.327.934.569	1.610.155.071
Hàng hóa	1.087.569.565	-	91.483.562	-
<b>Tổng</b>	<b>11.700.464.515</b>	<b>364.701.359</b>	<b>5.220.844.471</b>	<b>1.610.155.071</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.7 Chi phí trả trước**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Tại ngày 01 tháng 01</b>	<b>2.329.731.706</b>	<b>11.946.937.616</b>
Tăng trong năm	3.217.537.349	9.767.206.606
Phân bổ vào chi phí trong năm	1.023.419.302	15.107.676.472
Giảm khác	-	4.276.736.044
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>4.523.849.753</b>	<b>2.329.731.706</b>
	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>562.450.885</b>	<b>2.329.731.706</b>
- Các khoản khác	562.450.885	2.329.731.706
<b>b) Dài hạn</b>	<b>3.961.398.868</b>	-
- Chi phí thuê mặt bằng	735.601.801	-
- Chi phí đi vay	255.293.538	-
- Chi phí mở đất sét Long An	1.805.952.305	-
- Chi phí khấu hao Trạm nghiền Tân Cảng	713.849.168	-
- Chi phí khác	450.702.056	-
<b>Tổng</b>	<b>4.523.849.753</b>	<b>2.329.731.706</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 -DN

**5.8 Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2015	26.562.839.783	33.171.806.929	2.121.258.196	32.853.091	61.888.757.999
Tăng trong năm	-	-	1.374.479.727	-	1.374.479.727
Mua trong năm	-	-	1.374.479.727	-	1.374.479.727
Giảm trong năm	-	2.044.030.703	582.009.892	-	2.626.040.595
Thanh lý nhượng bán	-	2.044.030.703	582.009.892	-	2.626.040.595
Số dư tại 31/12/2015	26.562.839.783	31.127.776.226	2.913.728.031	32.853.091	60.637.197.131
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2015	12.974.920.712	27.410.755.907	2.022.426.785	32.853.091	42.440.956.495
Tăng trong năm	1.211.489.834	932.502.418	188.452.490	-	2.332.444.742
Khấu hao trong năm	1.211.489.834	932.502.418	188.452.490	-	2.332.444.742
Giảm trong năm	-	1.537.874.229	582.009.892	-	2.119.884.121
Thanh lý nhượng bán	-	1.537.874.229	582.009.892	-	2.119.884.121
Số dư tại 31/12/2015	14.186.410.546	26.805.384.096	1.628.869.383	32.853.091	42.653.517.116
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2015	13.587.919.071	5.761.051.022	98.831.411	-	19.447.801.504
Tại ngày 31/12/2015	12.376.429.237	4.322.392.130	1.284.858.648	-	17.983.680.015

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay năm 2015 là 4.583.674.119 đồng, năm 2015 là 4.583.674.119 đồng

Giá trị tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng năm 2015 là 11.575.830.849 đồng (năm 2014 là 14.500.612.815 đồng)

**5.9 Tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2015	338.905.900	103.241.608	442.147.508
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>338.905.900</b>	<b>103.241.608</b>	<b>442.147.508</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2015	111.964.120	14.339.112	126.303.232
Tăng trong năm	7.769.760	88.902.496	96.672.256
Khấu hao trong năm	7.769.760	88.902.496	96.672.256
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>119.733.880</b>	<b>103.241.608</b>	<b>222.975.488</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2015	226.941.780	88.902.496	315.844.276
Tại 31/12/2015	219.172.020	-	219.172.020

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với số tiền là 104.770.000 đồng.

**5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Chi mua sắm	-	-
<b>b) Chi xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>6.993.148.436</b>	<b>7.167.453.256</b>
Mỏ sét Long An	4.993.056.841	4.950.670.915
Mỏ sét Vũng Gấm Nhơn Trạch	1.612.109.777	1.612.109.777
Bến xuất nhập vật liệu Phú Mỹ	-	604.672.564
Xây dựng nhà xưởng vật kiến trúc ( XDCB )	387.981.818	-
c) Chi sửa chữa	-	-
<b>Tổng</b>	<b>6.993.148.436</b>	<b>7.167.453.256</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.11 Phải trả người bán**

	31/12/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>47.611.498.197</b>	<b>47.611.498.197</b>	<b>22.865.239.510</b>	<b>22.865.239.510</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị	4.656.865.877	4.656.865.877	5.484.147.775	5.484.147.775
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp Số 9	9.115.885.413	9.115.885.413	9.365.822.415	9.365.822.415
Công ty TNHH MTV 17	11.845.611.000	11.845.611.000	-	-
Các đối tượng còn lại	21.993.135.907	21.993.135.907	8.015.269.320	8.015.269.320
<b>b) Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>47.611.498.197</b>	<b>47.611.498.197</b>	<b>22.865.239.510</b>	<b>22.865.239.510</b>
<b>Trong đó phải trả bên liên quan</b>	<b>4.656.865.877</b>	<b>4.656.865.877</b>	<b>5.484.147.775</b>	<b>5.484.147.775</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị	4.656.865.877	4.656.865.877	5.484.147.775	5.484.147.775

**5.12 Các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Biến động khác	31/12/2015
	<b>Phải nộp</b>	<b>425.225.650</b>	<b>876.128.347</b>	<b>(446.818.658)</b>	<b>(628.779.868)</b>
Thuế GTGT	195.470.179	872.128.347	(438.818.658)	(628.779.868)	-
Các loại thuế khác	4.000.000	4.000.000	(8.000.000)	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	225.755.471	-	-	-	225.755.471
<b>Phải thu</b>	<b>87.982.541</b>	<b>7.606.099.575</b>	<b>(6.587.526.727)</b>	<b>(655.085.093)</b>	<b>451.470.296</b>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	58.300.879	7.606.099.575	(6.587.526.727)	(628.779.868)	448.093.859
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp	29.681.662	-	-	(26.305.225)	3.376.437

**5.13 Các khoản phải trả**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>3.396.685</b>	<b>84.746.769</b>
Cầu vượt bộ hành Km65+107 Quốc lộ 51	-	19.574.709
Sửa chữa Công trình An Hoà giai đoạn 2	-	33.624.000
Cấp gạch Công trình Nhà nghỉ giữa ca CNV	-	4.504.000
Chi phí khác	3.396.685	27.044.060
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.166.338.590</b>	<b>-</b>
Cầu vượt bộ hành Km65+107 Quốc lộ 51	19.574.709	-
Cấp gạch Công trình Nhà nghỉ giữa ca CNV	4.504.000	-
Đường N5 - KCN Nhơn Trạch 5	192.139.500	-
Thi công gói thầu XL03 - Mở rộng Quốc lộ 1A (Huế)	950.120.381	-
<b>Tổng</b>	<b>1.169.735.275</b>	<b>84.746.769</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.14 Các khoản phải trả khác**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2.223.731.607</b>	<b>1.972.691.172</b>
Bảo hiểm xã hội	-	59.454.648
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.223.731.607	1.913.236.524
<b>b) Dài hạn</b>	<b>2.382.000.000</b>	<b>1.332.000.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.382.000.000	1.332.000.000
<i>Công ty TNHH MTV SX TM VT Tiến Thành</i>	<i>732.000.000</i>	<i>732.000.000</i>
<i>Công ty TNHH SX TM Huỳnh Gia Lợi</i>	<i>150.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
<i>Doanh nghiệp tư nhân Phúc Đại Thành</i>	<i>500.000.000</i>	<i>500.000.000</i>
<i>Công ty TNHH Đồng Tâm</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>-</i>
<b>Tổng</b>	<b>4.605.731.607</b>	<b>3.304.691.172</b>
	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả cổ tức	345.999.738	345.999.738
Tiền phạt chậm nộp thuế tại Cục thuế	26.110.457	-
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	1.146.598.447	1.146.598.447
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu	560.324.060	251.415.727
- <i>Phí dịch vụ khác</i>	<i>560.324.060</i>	<i>251.415.727</i>
Phải trả khác	144.698.905	169.222.612
<b>Tổng</b>	<b>2.223.731.607</b>	<b>1.913.236.524</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.15 Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>28.358.094.031</b>	<b>28.358.094.031</b>	<b>81.602.056.825</b>	<b>79.306.511.103</b>	<b>26.062.548.309</b>	<b>26.062.548.309</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đăng Nai (*)	24.558.094.031	24.558.094.031	81.402.056.825	76.824.884.870	19.980.922.076	19.980.922.076
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội	-	-	-	2.081.626.233	2.081.626.233	2.081.626.233
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên (**)	3.600.000.000	3.600.000.000	-	-	3.600.000.000	3.600.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đăng Nai (***)	200.000.000	200.000.000	200.000.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000
<b>b) Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn</b>	<b>818.000.000</b>	<b>818.000.000</b>	<b>980.000.000</b>	<b>362.000.000</b>	<b>200.000.000</b>	<b>200.000.000</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đăng Nai	-	-	-	200.000.000	200.000.000	200.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đăng Nai (****)	818.000.000	818.000.000	980.000.000	162.000.000	-	-
<b>Tổng</b>	<b>29.176.094.031</b>	<b>29.176.094.031</b>	<b>82.582.056.825</b>	<b>79.668.511.103</b>	<b>26.262.548.309</b>	<b>26.262.548.309</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

**c) Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan**

	Số cuối năm (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
Vay ngắn hạn	3.600.000.000	204.408.333	3.600.000.000	254.599.167
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đô thị và Khu Công nghiệp IDICO	3.600.000.000	204.408.333	3.600.000.000	254.599.167
<b>Tổng</b>	<b>3.600.000.000</b>	<b>204.408.333</b>	<b>3.600.000.000</b>	<b>254.599.167</b>

**(\*) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Đồng Nai**

Số tiền được vay  
 Mục đích vay  
 Thời hạn vay  
 Lãi suất vay  
 Hình thức đảm bảo tiền vay  
 Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2015

(\*\*) Vay Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam – TNHH MTV

Theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/380625/HĐTD ký ngày 21/7/2015; Hạn mức vay là 25.000.000.000 đồng  
 Bổ sung vốn lưu động cho sản xuất kinh doanh  
 Theo từng giải đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể, 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.  
 Theo từng lần nhận nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng  
 Tài sản thế chấp là tài sản thuộc quyền sở hữu/ quyền sử dụng đất hợp pháp của công ty và hàng tồn kho của công ty.  
 24.558.094.031 đồng

Số tiền được vay  
 Mục đích vay  
 Thời hạn vay  
 Lãi suất vay

Hình thức đảm bảo tiền vay  
 Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2015

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 240912/IDICO-MCI và phụ lục số 01 PLHĐ/IDICO-MCI ngày 30 tháng 06 năm 2014 và phụ lục số 05 PLHĐ/IDICO-MCI ngày 31/10/2014, số tiền vay là 4.100.000.000 đồng  
 Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh  
 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng tín dụng  
 Khoản vay này chịu lãi suất bằng lãi suất kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của NH BIDV - CN Đồng Nai, trả lãi 01 quý 01 lần, nợ gốc trả 01 lần vào ngày 08/10/2014; Nguồn trả nợ: Nguồn thu hồi công nợ của các đơn vị thi công tại công trình Thủy điện Đak Mít 4 và các nguồn thu hợp pháp khác  
 Thế chấp toàn bộ 623.730 cổ phiếu HTI (Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Idico) của IDICO-MCI cho tổng Công ty hoặc chuyển toàn bộ nợ (gốc và lãi vay) thành vốn góp của Tổng Công ty tại Idico-MCI khi tăng vốn điều lệ  
 3.600.000.000 đồng

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

#### 5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

##### (\*\*\*) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Đồng Nai

Số tiền được vay	Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2013/HD ngày 12 tháng 7 năm 2013; Hạn mức tín dụng là 1.100.000.000 đồng.
Mục đích vay	Mở rộng trạm nghiên đá gia công cho Công ty CP Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO tại mỏ đá Tân Cang
Thời hạn vay	36 tháng kể từ ngày rút vốn vay lần đầu
Lãi suất vay	Áp dụng lãi suất 12%/năm đến hết ngày 5/10/2013 và sau đó điều chỉnh 03 tháng một lần theo thông báo lãi suất của BIDV Đồng Nai tại thời điểm điều chỉnh; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn
Hình thức đảm bảo tiền vay	Thế chấp toàn bộ tài sản được hình thành từ nguồn vốn tự có và vốn vay ngân hàng theo hợp đồng tín dụng này và thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị được quy định trong các Hợp đồng đảm bảo tiền vay từ số 01/2010/HĐTC đến số 11/2010/HĐTC ngày 18 tháng 06 năm 2011, số 01/2012/HĐ ngày 18/05/2012, số 13/2012/HĐ ngày 22/10/2013, hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2013/HĐTC ngày 12/07/2013 và các hợp đồng, phụ lục hợp đồng bảo đảm có liên quan đã đang và sẽ ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu Idico với ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai. Và toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ tại ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác; các khoản thu theo hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng.
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2015	200.000.000 đồng

##### (\*\*\*\*) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Đồng Nai

Số tiền được vay	Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/2015/380625/HĐTD ngày 26/6/2015; số tiền vay: 980.000.000 đồng
Mục đích vay	Mua xe ô tô hiệu Toyota Camry 2,5Q
Thời hạn vay	36 tháng kể từ ngày rút vốn vay lần đầu
Lãi suất vay	Lãi suất cho vay trong hạn: 10%/năm và sau đó được điều chỉnh 6 tháng/lần theo thông báo lãi suất của BIDV tại thời điểm điều chỉnh;
Hình thức đảm bảo tiền vay	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2015	818.000.000 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 -DN

**5.16 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2014	35.000.000.000	2.639.252.038	302.317.225	(15.420.098.721)	22.521.470.542
Tăng trong năm	-	-	-	4.899.057.750	4.899.057.750
Điều chỉnh giảm lỗ theo Biên bản kiểm tra thuế	-	-	-	4.899.057.750	4.899.057.750
Giảm trong năm	-	-	-	32.762.031.934	32.762.031.934
Lỗ hoạt động kinh doanh	-	-	-	19.076.242.062	19.076.242.062
Lỗ do điều chỉnh chi phí của các năm trước	-	-	-	13.685.789.872	13.685.789.872
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>2.639.252.038</b>	<b>302.317.225</b>	<b>(43.283.072.905)</b>	<b>(5.341.503.642)</b>
Số dư tại 01/01/2015	35.000.000.000	2.941.569.263	-	(43.283.072.905)	(5.341.503.642)
Tăng trong năm	-	-	-	5.378.489.265	5.378.489.265
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	5.378.489.265	5.378.489.265
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>2.941.569.263</b>	<b>-</b>	<b>(37.904.583.640)</b>	<b>36.985.623</b>

Đơn vị tính: VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 -DN

**5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tổng Công ty Đầu Tư Phát Triển Đô Thị và Khu Công Nghiệp Việt Nam - TNHH Một Thành Viên	28.680.000.000	28.680.000.000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	6.320.000.000	6.320.000.000
<b>Tổng</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>35.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	35.000.000.000	35.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	35.000.000.000	35.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2015 Cổ phiếu	01/01/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.500.000	3.500.000
Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

**d. Các quỹ doanh nghiệp**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.941.569.263	2.941.569.263
<b>Tổng</b>	<b>2.941.569.263</b>	<b>2.941.569.263</b>

**5.17 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán thành phẩm sản xuất	552.242.227	12.917.649.223
Doanh thu kinh doanh xăng dầu	14.508.364.576	12.580.584.801
Doanh thu xây lắp	66.685.792.546	4.162.126.963
Doanh thu khác	6.953.272.783	5.162.947.130
<b>Tổng</b>	<b>88.699.672.132</b>	<b>34.823.308.117</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 -DN

**5.18 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn bán thành phẩm sản xuất	555.651.236	20.324.394.593
Giá vốn kinh doanh xăng dầu	13.550.693.718	12.222.115.954
Giá vốn xây lắp	60.704.150.342	6.466.946.836
Giá vốn khác	3.422.509.325	2.396.783.513
<b>Tổng</b>	<b>78.233.004.621</b>	<b>41.410.240.896</b>

**5.19 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.129.821	3.689.165
Lãi chênh lệch tỷ giá	121.495	-
<b>Tổng</b>	<b>10.251.316</b>	<b>3.689.165</b>

**5.20 Chi phí tài chính**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền vay	2.156.631.580	2.090.342.136
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.556.227	-
<b>Tổng</b>	<b>2.158.187.807</b>	<b>2.090.342.136</b>

**5.21 Chi phí bán hàng**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên	196.770.000	199.385.103
Chi phí khấu hao TSCĐ	18.320.450	18.546.976
Chi phí dịch vụ mua ngoài	120.955.548	550.189.576
Chi phí bằng tiền khác	63.614.839	9.086.948
<b>Tổng</b>	<b>399.660.837</b>	<b>777.208.603</b>

**5.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.177.868.914	643.060.205
Chi phí vật liệu quản lý	6.414.553	15.772.241
Chi phí đồ dùng văn phòng	22.800.000	2.700.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	775.182.375	141.499.706
Thuế phí và lệ phí	183.317.664	80.085.982
Chi phí dự phòng	-	7.947.910.796
Chi phí dịch vụ mua ngoài	410.463.720	564.715.855
Chi phí bằng tiền khác	1.381.971.558	456.771.522
<b>Tổng</b>	<b>5.958.018.784</b>	<b>9.852.516.307</b>

**5.23 Lợi nhuận khác**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.384.752.616	267.069.400
Các khoản khác	2.058.990.475	966.459.960
<b>Tổng</b>	<b>3.443.743.091</b>	<b>1.233.529.360</b>
<i>Chi phí khác</i>		
Các khoản khác	-	1.006.460.762
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>1.006.460.762</b>
<b>Thu nhập khác thuần</b>	<b>3.443.743.091</b>	<b>227.068.598</b>

**5.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>1. Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>5.404.794.490</b>	<b>(19.076.242.062)</b>
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>36.000.000</i>	<i>265.000.000</i>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>36.000.000</i>	<i>265.000.000</i>
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>2. Thu nhập chịu thuế</b>	<b>5.440.794.490</b>	<b>(18.811.242.062)</b>
<i>Các khoản lỗ được kết chuyển</i>	<i>5.436.794.490</i>	<i>-</i>
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>4.000.000</b>	<b>(18.811.242.062)</b>
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	22%	22%
Thuế thu nhập năm trước chuyển qua	26.305.225	-
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>27.185.225</b>	<b>-</b>

**5.25 Lãi trên cơ bản cổ phiếu**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.378.489.265	(19.076.242.062)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.378.489.265	(19.076.242.062)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	3.500.000	3.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.537</b>	<b>(5.450)</b>

**5.26 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.414.553	5.911.163.148
Chi phí nhân công	3.215.772.538	1.208.041.741
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.429.116.998	3.442.540.419
Chi phí dịch vụ mua ngoài	554.219.268	2.871.129.632
Chi phí khác bằng tiền	1.628.904.061	5.808.844.915
<b>Tổng</b>	<b>7.834.427.418</b>	<b>19.241.719.855</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1** Giao dịch và số dư với các bên liên quan

**A. Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát:**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	Thu nhập từ lương, thưởng và các khoản khác	695.274.000	328.467.232

**B. Các giao dịch bán nội bộ**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Giao dịch mua</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Chi phí sử dụng điện Sửa chữa	1.881.928.129	1.898.516.069
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Dịch vụ sử dụng nước, điện và phí xử lý nước thải	31.000.000	-
		Tiền thuê lại đất	414.700.515	28.352.945
		Giá trị xây lắp	1.073.311.464	334.012.398
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	Liên doanh với TCT	Mua vật tư	-	2.428.954.368
		Chi phí sử dụng điện	-	30.232.121
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Mua dầu DO	-	701.515.898
		Thi công	385.302.626	177.050.817
<b>Tổng</b>			<b>3.786.242.734</b>	<b>5.598.634.616</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

**C. Các giao dịch mua và giao dịch khác nội bộ**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tình chất giao dịch	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Giao dịch bán</b>				
Tổng Công ty Đầu Tư Phát Triển Đô Thị và Khu Công Nghiệp Việt Nam - TNHH MTV - tại miền Đông	Công ty mẹ	Bán xăng	14.123.241	41.241.240
Tổng Công ty Đầu Tư Phát Triển Đô Thị và Khu Công Nghiệp Việt Nam - TNHH MTV	Công ty mẹ	Vật tư, xây lắp	64.562.817.169	-
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Bán xăng	-	134.097.611
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Bán xăng và gạch	40.235.474	719.209.106
		Nhượng bán điện	-	1.532.406
		Xây lắp	-	2.327.906.307
		Xây đá học và vận chuyển đất sỏi đỏ	-	861.555.013
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	Liên doanh với TCT	Bán cát, đá phục vụ sản xuất	-	60.739.646
Công ty TNHH MTV Xây dựng IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Nhượng bán điện	58.505.452	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Bán xăng dầu	-	4.566.001
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Bán gạch phục vụ sản xuất	-	298.675.260
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Xây dựng IDICO tại Quảng Ngãi	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Bán xăng	330.116.909	-
<b>Tổng</b>			<b>65.005.798.245</b>	<b>4.449.522.590</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

**D. Các giao dịch khác nội bộ**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giao dịch khác				
Tổng Công ty Đầu Tư Phát Triển Đô Thị và Khu Công Nghiệp Việt Nam - TNHH MTV	Công ty mẹ	Lãi vay	204.408.333	254.599.167
Tổng		Phí dịch vụ khác	95.000.000	95.000.000
			<b>299.408.333</b>	<b>349.599.167</b>

**E. Số dư phải trả các bên liên quan:**

Số dư phải trả và phải trả khác các bên liên quan

Bên liên quan	Khoản mục	Tính chất giao dịch	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tổng Công ty Đầu Tư Phát Triển Đô Thị và Khu Công Nghiệp Việt Nam - TNHH MTV	Phải trả khác	Phải trả tiền vay	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp IDICO	Phải trả khác	Lãi tiền vay	560.324.060	251.415.727
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	Phải trả khác	Phí dịch vụ	-	266.382.336
Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng IDICO VINACONTROL	Người mua trả tiền trước	Khối lượng xây lắp	4.656.865.877	5.484.147.775
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	Phải trả người bán	Tiền điện	10.000.000	10.000.000
Tổng	Phải trả người bán	Tiền thí nghiệm vật liệu	424.100.808	-
		Thi công	<b>9.251.290.745</b>	<b>9.611.945.838</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

**F. Số dư phải thu các bên liên quan:**

Số dư phải thu và phải thu khác các bên liên quan

Bên liên quan	Khoản mục	Tính chất giao dịch	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tổng Công ty Đầu Tư Phát Triển Đô Thị và Khu Công Nghiệp Việt Nam - TNHH MTV	Phải thu khách hàng	Chí phí lãi vay, phí kiểm toán.	1.961.507.070	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	Phải thu khách hàng	Xây đá học	243.815.888	230.979.211
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO	Phải thu khách hàng	Tiền gạch	60.000.000	60.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Xây dựng IDICO tại Quảng Ngãi	Phải thu khách hàng	Bán dầu	237.615.300	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 10 IDICO (IDICO – INCO No. 10)	Phải thu khách hàng	Tiền gạch và cát cơ quan Công ty, đá ngoài Đakmi4	50.702.616	1.738.012.744
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	Phải thu khách hàng	Tiền xăng dầu	47.364.545	2.679.192
Ban quản lý dự án thủy điện ĐăkMi4 Ông Nguyễn Gia Tín	Phải thu khách hàng Tạm ứng	Khối lượng xây lắp Tiền xăng dầu	4.976.472.148	57.235.020 133.222.640
<b>Tổng</b>			<b>7.577.477.567</b>	<b>2.222.128.807</b>

**6.2 Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.15, tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.407.534.637	424.814.228
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.370.017.182	11.021.433.102
<b>Tổng</b>	<b>21.777.551.819</b>	<b>11.446.247.330</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	29.176.094.031	26.262.548.309
Phải trả người bán và phải trả khác	52.217.229.804	26.169.930.682
Chi phí phải trả	1.169.735.275	84.746.769
<b>Tổng</b>	<b>82.563.059.110</b>	<b>52.517.225.760</b>

**Các loại công cụ tài chính**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.



**6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty không có các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã tiến hành rà soát tình trạng công nợ phải thu khách hàng, kết hợp đồng thời với thủ tục đối chiếu xác nhận công nợ phải thu, Công ty đã phân loại và đánh giá khả năng thu hồi công nợ theo từng khách hàng. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 với số tiền là 4.450.312.074 đồng.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

**6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 31/12/2015</b>			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	49.835.229.804	2.382.000.000	52.217.229.804
Chi phí phải trả	3.396.685	1.166.338.590	1.169.735.275
Các khoản vay	28.358.094.031	818.000.000	29.176.094.031
<b>Tổng</b>	<b>78.196.720.520</b>	<b>4.366.338.590</b>	<b>82.563.059.110</b>
<b>Tại 01/01/2015</b>			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	24.837.930.682	1.332.000.000	26.169.930.682
Chi phí phải trả	84.746.769	-	84.746.769
Các khoản vay	26.062.548.309	200.000.000	26.262.548.309
<b>Tổng</b>	<b>50.985.225.760</b>	<b>1.532.000.000</b>	<b>52.517.225.760</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 31/12/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.407.534.637	-	6.407.534.637
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.370.017.182	-	15.370.017.182
<b>Tổng</b>	<b>21.777.551.819</b>	<b>-</b>	<b>21.777.551.819</b>
<b>Tại 01/01/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	424.814.228	-	424.814.228
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.021.433.102	-	11.021.433.102
<b>Tổng</b>	<b>11.446.247.330</b>	<b>-</b>	<b>11.446.247.330</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

#### 6.3 Báo cáo bộ phận

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 4 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Kinh doanh thành phẩm gạch, xây lắp, kinh doanh xăng dầu và lĩnh vực khác gồm có kinh doanh vật tư, cù trà và vận chuyển chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty

#### Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Kinh doanh thành phẩm	Xây lắp	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cát đá	Khác	Tổng
<b>TÀI SẢN</b>						
Tài sản cố định	15.384.588.583	4.812.524	237.908.786	1.725.738.172	2.094.753.439	19.447.801.504
Xây dựng cơ bản dở dang	1.663.740.068	524.657.305	-	3.643.275.616	1.335.780.267	7.167.453.256
Các khoản phải thu	1.069.757.606	1.392.641.294	4.100.957	5.598.342.588	7.797.183.452	15.862.025.897
Hàng tồn kho	533.126.654	1.603.470.267	1.16.606.901	721.382.447	636.103.131	3.610.689.400
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	-	-	3.158.372.751
<b>Tổng tài sản</b>						<b>49.246.342.808</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>						
Các khoản phải trả	6.500.877.033	1.854.823.529	202.712.425	16.959.909.162	2.806.975.992	28.325.298.141
Phải trả tiền vay	1.718.275.287	5.673.586.449	2.957.214.885	12.529.043.414	3.384.428.274	26.262.548.309
<b>Tổng nợ phải trả</b>						<b>54.587.846.450</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 -DN

**6.3 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**

**Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

	Kinh doanh thành phẩm				Tổng
	Xây lắp	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cát đá	Khác	
Tổng doanh thu	12.917.649.223	12.580.584.801	-	5.162.947.130	34.823.308.117
Kết quả kinh doanh bộ phận	(3.776.056.252)	143.675.915	-	(13.793.103.636)	(19.306.999.825)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	(19.306.999.825)
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư	-	-	-	-	3.689.165
Thu nhập khác	-	-	-	-	227.068.598
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	-	(19.076.242.062)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận trong năm</b>					<b>(19.076.242.062)</b>

**Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2015**

Đơn vị tính: VND

	Kinh doanh thành phẩm				Tổng
	Xây lắp	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cát đá	Khác	
<b>TÀI SẢN</b>					
Tài sản cố định	4.450.215	219.997.899	1.595.816.528	1.937.050.599	17.983.680.015
Xây dựng cơ bản dở dang	511.898.199	-	3.554.675.038	1.303.295.515	6.993.148.436
Các khoản phải thu	3.124.404.813	9.200.538	12.559.938.158	17.775.669.515	35.869.225.023
Hàng tồn kho	8.963.493.091	103.655.875	641.261.604	1.153.438.014	11.335.763.156
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	-	11.602.026.706
<b>Tổng tài sản</b>					<b>83.783.843.336</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>					
Các khoản phải trả	14.028.297.051	334.525.025	27.987.993.466	1.491.912.855	54.570.763.682
Phải trả tiền vay	6.303.009.509	3.285.285.896	13.919.005.287	3.759.893.991	29.176.094.031
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>83.746.857.713</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN

#### 6.3 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Kinh doanh thành phẩm	Xây lắp	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cát đá	Khác	Tổng
<b>DOANH THU</b>						
Tổng doanh thu	552.242.227	66.685.792.546	14.508.364.576		6.953.272.783	88.699.672.132
Kết quả kinh doanh bộ phận	12.145.639	1.466.641.832	319.087.074		152.925.538	1.950.800.083
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-		-	1.950.800.083
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư	-	-	-		-	10.251.316
Thu nhập khác	-	-	-		-	3.443.743.091
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-		-	5.404.794.490
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-		-	(26.305.225)
<b>Lợi nhuận trong năm</b>						<b>5.378.489.265</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**6.4 Điều chỉnh hồi tố**

Điều chỉnh hồi tố theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước ngày 22 tháng 02 năm 2015, tại Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO điều chỉnh như sau:

Chỉ tiêu	MS	Tại ngày 01/01/2015	Tại ngày 01/01/2015	Chênh lệch VND
		Theo KTNN VND	Theo BCKT VND	
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>				
<b>A. Phần Tài sản</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	4.578.546.658	5.583.943.371	(1.005.396.713)
Các khoản phải thu khác	135	424.814.228	568.514.228	(143.700.000)
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	1.824.000.724	1.680.300.724	143.700.000
		2.329.731.706	3.335.128.419	(1.005.396.713)
<b>B. Phần Nguồn vốn</b>				
		(45.784.213.833)	(44.778.817.120)	(1.005.396.713)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	425.225.650	195.470.179	229.755.471
Các khoản phải trả phải nộp khác	319	1.972.691.172	2.198.446.643	(225.755.471)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(48.182.130.655)	(47.172.733.942)	(1.009.396.713)
		<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2014</b>	<b>Chênh lệch</b>
		<b>theo KTNN</b>	<b>theo BCKT</b>	<b>VND</b>
<b>Báo cáo Kết quả kinh doanh năm 2014</b>	<b>MS</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	
Chi phí tài chính	22	2.090.342.136	1.084.945.423	1.005.396.713
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	9.852.516.307	9.848.516.307	4.000.000
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	(19.076.242.062)	(18.066.845.349)	(1.009.396.713)
Lãi suy giảm cơ bản trên cổ phiếu	70	(5.450)	(5.162)	(288)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**6.5 Thông tin so sánh**


Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 như sau:

Chỉ tiêu	MS	Tại ngày 01/01/2015	Tại ngày 01/01/2015	Chênh lệch VND
		Theo Thông tư 200 VND	Theo Quyết Định 15 VND	
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>				
<b>A. Phần Tài sản</b>		<b>5.378.339.963</b>	<b>6.383.736.676</b>	<b>1.005.396.713</b>
Phải thu ngắn hạn khác	136	3.048.608.257	1.680.300.724	(1.368.307.533)
Tài sản ngắn hạn khác	155	-	1.368.307.533	1.368.307.533
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	2.329.731.706	3.335.128.419	1.005.396.713
Chi phí trả trước dài hạn	261	-	-	-
<b>B. Phần Nguồn vốn</b>		<b>2.941.569.263</b>	<b>2.941.569.263</b>	<b>-</b>
Quỹ đầu tư phát triển	418	2.941.569.263	2.639.252.038	(302.317.225)
Quỹ dự phòng tài chính	417	-	302.317.225	302.317.225
		<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2014</b>	<b>Chênh lệch</b>
		<b>theo TT200</b>	<b>theo Quyết định 15</b>	<b>VND</b>
<b>Báo cáo Kết quả kinh doanh năm 2014</b>	<b>MS</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập khác	31	1.233.529.360	1.988.529.360	(755.000.000)
Chi phí khác	32	1.006.460.762	1.761.460.762	2.767.921.524
Lãi suy giảm cơ bản trên cổ phiếu	70	(5.450)	(5.162)	(288)

Người lập biểu



Chu Thị Thanh Nga

Kế toán trưởng



Trần Anh Tùng

Đồng Nai, ngày 09 tháng 05 năm 2016

Giám đốc



Phạm Văn Hiến